TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 215/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 04 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Sĩ Thanh Tr, sinh năm 1989;
Địa chỉ: 137/14 Tân Thới Nhất, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trương Tuyết H, sinh năm 1989;
Địa chỉ: 36/60 Huỳnh Thiện Lộc, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà H tự nguyện chung sống vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2013, quyển số 01/2013 ngày 29/10/2013.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoàng cuối năm 2015 thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, thường xuyên cãi vả về tiền bạc, chăm sóc con cái nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Cả hai hiện đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà H chuyển ra sống tại địa chỉ 36/60 Huỳnh Thiện Lộc, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng không còn cuộc sống chung nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Tr và bà H cùng xác nhận có 01 con chung tên Trần Ngọc Nhã Th, sinh ngày 06/9/2014. Hai bên thỏa thuận bà H trực tiếp nuôi con chung, ông Tr cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng vào ngày đầu mỗi tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông Tr, bà H cùng xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông Tr, bà H cùng xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Sĩ Thanh Tr và bà Trương Tuyết H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Sĩ Thanh Tr và bà Trương Tuyết H chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2013 hết hiệu lực kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Trương Tuyết H trực tiếp nuôi con chung tên Trần Ngọc Nhã Th, sinh ngày 06/9/2014. Ông Trần Sĩ Thanh Tr cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng vào ngày đầu mỗi tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Ông Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Tr, bà H cùng xác nhận không có.

- Về các vấn đề khác: Ông Tr, bà H cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Trần Sĩ Thanh Tr và bà Trương Tuyết H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Tr và bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0012587 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà H, ông Tr đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung